

Số: 08/2012/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2012

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chi tiết thi hành Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và Quyết định số 72/2011/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích giai đoạn 2011-2013

Căn cứ Luật bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông tin và Truyền thông; Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 187/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Quyết định số 41/2011/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Quyết định số 72/2011/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2405/TTg-KTN ngày 22/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính;

Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết thi hành Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và Quyết định số 72/2011/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích giai đoạn 2011-2013.

Điều 1. Dịch vụ bưu chính công ích

Dịch vụ bưu chính công ích gồm dịch vụ bưu chính phổ cập và dịch vụ bưu chính bắt buộc.

1. Dịch vụ bưu chính phổ cập là dịch vụ thư cơ bản, bao gồm cả bưu thiếp, có khối lượng đơn chiếc đến 02 ki-lô-gam (kg).

Trong thông tư này, dịch vụ thư cơ bản được hiểu là dịch vụ thư, không bao gồm các dịch vụ bưu chính cộng thêm theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Thông tư số 01/2007/TT-BBCVT ngày 03 tháng 01 năm 2007 của Bộ Bưu chính Viễn thông hướng dẫn một số nội dung về dịch vụ bưu chính do Bưu chính Việt Nam cung ứng và không phân biệt phương thức vận chuyển.

Dịch vụ bưu chính phổ cập bao gồm:

- a) Dịch vụ thư cơ bản trong nước;
- b) Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước;
- c) Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến Việt Nam.

2. Dịch vụ bưu chính bắt buộc là dịch vụ bưu chính được cung cấp theo yêu cầu của Nhà nước nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh mang tính khẩn cấp và các dịch vụ bưu chính bắt buộc khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Dịch vụ bưu chính bắt buộc được Nhà nước quy định rõ phạm vi, đối tượng và thời gian thụ hưởng dịch vụ.

Điều 2. Phát hành báo chí qua mạng bưu chính công cộng

Các loại báo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được Nhà nước bảo đảm phát hành qua mạng bưu chính công cộng theo nhu cầu đặt mua báo của các tổ chức, cá nhân theo chất lượng dịch vụ và giá cước do Nhà nước quy định.

Điều 3. Kế hoạch cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và phát hành báo chí qua mạng bưu chính công cộng

1. Đối với năm 2011:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông không giao kế hoạch sản lượng dịch vụ bưu chính công ích, sản lượng dịch vụ bưu chính công ích năm 2011 được xác định trên

cơ sở báo cáo kết quả thực hiện cung ứng dịch vụ bưu chính công ích của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và báo cáo kết quả điều tra thống kê sản lượng bưu chính công ích của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Sản lượng dịch vụ bưu chính công ích năm 2011: Tổng công ty Bưu chính Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 27 tháng 6 năm 2012.

2. Đối với giai đoạn 2012-2013: Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định kế hoạch sản lượng dịch vụ bưu chính công ích và phát hành các loại báo từng năm phù hợp với tình hình thực tế thị trường bưu chính và kết quả thực hiện của năm trước liền kề.

Nội dung kế hoạch gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Sản lượng các dịch vụ bưu chính công ích quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này. Đơn vị tính chỉ tiêu kế hoạch là cái (thư);

b) Sản lượng các loại báo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đơn vị tính các chỉ tiêu kế hoạch là tờ (báo).

3. Trách nhiệm của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam (Bưu chính Việt Nam):

a) Tổng công ty Bưu chính Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông kế hoạch cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, nội dung kế hoạch bao gồm:

- Kế hoạch sản lượng dịch vụ bưu chính công ích phổ cập;
- Kế hoạch sản lượng dịch vụ bưu chính bắt buộc (nếu có);
- Kế hoạch phát hành các loại báo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- Kế hoạch thực hiện các qui định của nhà nước về chất lượng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch tài chính của doanh nghiệp hàng năm (gửi kèm kế hoạch cung ứng dịch vụ bưu chính công ích).

b) Thời điểm báo cáo (kèm thuyết minh chi tiết các chỉ tiêu báo cáo): Năm 2012 báo cáo trước ngày 27 tháng 6 năm 2012; Năm 2013 báo cáo trước ngày 20 tháng 7 năm 2012.

Tổng công ty Bưu chính Việt Nam có Báo cáo theo các mẫu biểu báo cáo quy định tại [Phụ lục 1,2](#) Thông tư này và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ bưu chính công ích và phát hành báo chí

Chất lượng dịch vụ bưu chính công ích và phát hành báo chí qua mạng bưu chính công cộng được thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 50/2008/QĐ-TTTT ngày 12/11/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ bưu chính công ích”.

Điều 5. Quyết định mức khoán trợ cấp cho Bưu chính Việt Nam:

Mức khoán trợ cấp giai đoạn 2011-2013 cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam để cung ứng dịch vụ bưu chính công ích là mức kinh phí đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định mức khoán trợ cấp cụ thể hàng năm.

Điều 6. Đặt hàng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích

1. Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích gồm các nội dung sau:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ bưu chính công ích;

b) Sản lượng dịch vụ bưu chính công ích;

c) Chất lượng dịch vụ bưu chính công ích;

g) Giá trị hợp đồng: theo mức khoán trợ cấp cho Bưu chính Việt Nam theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

h) Thời gian thực hiện;

i) Phạm vi, địa điểm cung ứng dịch vụ;

k) Phương thức tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán;

l) Trách nhiệm và nghĩa vụ giữa cơ quan đặt hàng và doanh nghiệp được đặt hàng;

m) Xử lý do vi phạm hợp đồng.

2. Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích quy định cụ thể cơ chế phạt theo kết quả thực hiện Hợp đồng về sản lượng và chất lượng dịch vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Đối với nội dung hợp đồng về sản lượng dịch vụ bưu chính công ích của năm 2011: thực hiện theo khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông đặt hàng Tổng công ty Bưu chính Việt Nam thực hiện cung ứng dịch vụ bưu chính công ích hàng năm. Thời điểm ký hợp đồng đặt hàng năm 2011 và 2012 trong tháng 6 năm 2012. Đối với Hợp đồng đặt hàng năm 2013, thời điểm ký Hợp đồng đặt hàng trước ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Cơ chế tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Hợp đồng đặt hàng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đặt hàng, Tổng công ty Bưu chính Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông”

a) Tình hình thực hiện kế hoạch cung ứng dịch vụ bưu chính công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông đặt hàng.

b) Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính.

Mẫu biểu báo cáo thực hiện theo các Phụ lục tại Thông tư này.

Điều 7. Nghiệm thu, thanh lý thực hiện Hợp đồng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích hàng năm:

1. Thời điểm tiến hành nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng:

a) Đối với năm 2011: thực hiện nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng chậm nhất là tháng 8 năm 2012.

b) Đối với giai đoạn 2012 – 2013: trong tháng 4 hàng năm Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành nghiệm thu kết quả thực hiện và thanh lý Hợp đồng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích năm trước.

2. Căn cứ nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng:

a) Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đã được ký kết, và các phụ lục điều chỉnh hợp đồng (nếu có);

b) Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam về:

- Qui mô duy trì hoạt động của mạng bưu chính công cộng đảm bảo việc cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo hợp đồng đặt hàng;

- Báo cáo thống kê kết quả thực hiện sản lượng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện trong năm.

c) Các báo cáo về kết quả kiểm tra, giám sát sản lượng, chất lượng dịch vụ bưu chính công ích của cơ quan nhà nước theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Giá trị thanh toán thực hiện hợp đồng đặt hàng:

Giá trị thanh toán thực hiện hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được xác định trên cơ sở giá trị Hợp đồng và thực hiện các điều chỉnh do những nguyên nhân sau:

a) Điều chỉnh trong trường hợp Nhà nước điều chỉnh tăng giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập, bao gồm:

- Dịch vụ thư cơ bản trong nước;

- Dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ Việt Nam đi các nước.

Khi Nhà nước điều chỉnh tăng giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập so với giá cước đã được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2009 về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập thì giá trị hợp đồng khi thanh lý sẽ được điều chỉnh giảm. Mức giảm sẽ được xác định như sau:

Giá trị hợp đồng điều chỉnh giảm = Mức trợ cấp đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận – doanh thu tăng thêm do điều chỉnh tăng giá cước.

Trong đó:

Doanh thu tăng thêm do điều chỉnh tăng giá cước = Sản lượng dịch vụ theo hợp đồng hàng năm/ 12 tháng x chênh lệch giá cước bình quân x số tháng áp dụng mức giá cước mới.

Chênh lệch giá cước bình quân = Giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập (bình quân) trong nước và quốc tế chiều đi theo mức cước mới – giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập (bình quân) trong nước và quốc tế chiều đi theo mức cước cũ (lấy ở thời điểm đã điều tra gần nhất của Bộ Thông tin và Truyền thông).

b) Xử lý các vi phạm Hợp đồng đặt hàng (nếu có).

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho việc quản lý cung ứng dịch vụ bưu chính công ích từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Các nội dung qui định tại Thông tư số 17/2009/TT-BTTTT ngày 27/5/2009 quy định chi tiết thi hành Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích cho giai đoạn 2011 – 2013 hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ và cơ quan ngang Bộ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ TTTT;
- Tập đoàn BCVT Việt Nam;
- Tổng công ty BCVN;
- Công ty TTĐT CP, Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công Thông tin điện tử (Bộ TTTT);
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Bắc Sơn

PHỤ LỤC 01a - MẪU BIỂU BÁO CÁO KẾ HOẠCH CUNG ỨNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08 /2012/TT-BTTTT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

**TỔNG CÔNG TY
BƯU CHÍNH VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu 01a/KH

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH CUNG ỨNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH CỦA TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỆT NAM
NĂM**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012		Kế hoạch 2013	
				Kế hoạch	So sánh 2012/2011 (%)	Kế hoạch	So sánh 2013/2012 (%)
A	Kế hoạch Sản lượng dịch vụ						
1	Dịch vụ BCCI						
1.1	Dịch vụ Bưu chính phổ cập						
a	Thư cơ bản trong nước	cái					
b	Thư cơ bản từ VN đi QT	cái					
c	Thư cơ bản QT đến VN	cái					
1.2	Dịch vụ Bưu chính bắt buộc (nếu có)						
2	PHBC qua mạng BCCC						
a	Báo Nhân dân	tờ					
b	Báo QĐND	tờ					
c	Báo Đảng bộ địa phương	tờ					
B	Kế hoạch Chất lượng dịch vụ (theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bưu chính)						
1	Khả năng sử dụng dịch vụ:						
a	Bán kính phục vụ bình quân trên một điểm phục vụ:	Km					
b	Số dân phục vụ bình quân trên một điểm phục vụ:	Người					
c	Số điểm phục vụ trong một xã/phường:	%					
d	Thời gian phục vụ tại các bưu cục giao dịch trung tâm tỉnh:	%					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012		Kế hoạch 2013	
				Kế hoạch	So sánh 2012/2011 (%)	Kế hoạch	So sánh 2013/2012 (%)
e	Thời gian phục vụ tại các điểm phục vụ khác:	%					
2	Tần suất thu gom và phát:	%					
3	Độ an toàn:	%					
4	Thời gian toàn trình đối với thư trong nước:						
a	Thời gian toàn trình đối với thư gửi nội tỉnh:	%					
b	Thời gian toàn trình đối với thư gửi liên tỉnh:	%					
5	Thời gian xử lý trong nước đối với thư quốc tế:						
a	Thời gian xử lý trong nước đối với thư đi quốc tế:	%					
b	Thời gian xử lý trong nước đối với thư quốc tế đến:	%					
6	Thời gian phát hành báo Nhân dân, báo Quân đội Nhân dân, báo do Đảng bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xuất bản:						
a	Thời gian phát hành báo Nhân dân, báo do Đảng bộ các tỉnh xuất bản đến Ủy ban Nhân dân xã, Hội đồng Nhân dân xã:						
	Báo Nhân dân	%					
	Báo do Đảng bộ các tỉnh xuất bản	%					
b	Thời gian phát hành báo Quân đội Nhân dân đến Ủy ban Nhân dân xã, Hội đồng Nhân dân xã:	%					

Ghi chú:

- Nơi lập báo cáo: Bưu chính Việt Nam.

- Nơi nhận báo cáo: Bộ TTTT.

Kỳ báo cáo:

- Kế hoạch năm 2012 báo cáo trước ngày 27 tháng 6 năm 2012;

- Kế hoạch năm 2013 báo cáo trước ngày 20 tháng 7 năm 2012.

....., ngày tháng năm 20.....

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 02a - MẪU BIỂU BÁO CÁO KẾ HOẠCH SXKD VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08 /2012/TT-BTTTT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

**TỔNG CÔNG TY
BƯU CHÍNH VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu 02a/KH

BÁO CÁO KẾ HOẠCH SXKD VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỆT NAM NĂM

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011	KH 2012		KH 2013	
				KH	% 2012/2011	KH	% 2013/2012
	TOÀN TỔNG CÔNG TY						
a	Tổng doanh thu (a=1.1+2.1)	Triệu đồng					
b	Tổng chi phí (b=1.2+2.2)	Triệu đồng					
c	Tổng lợi nhuận (c=1.3+2.3)	Triệu đồng					
1	CÔNG TY MẸ						
1.1	Tổng doanh thu	Triệu đồng					
1.1.1	Doanh thu thu từ người sử dụng dịch vụ trong đó:	Triệu đồng					
	<i>Doanh thu dịch vụ BCCI</i>	Triệu đồng					
	<i>Doanh thu PHBC qua mạng BCCC</i>	Triệu đồng					
1.1.2	Nhà nước hỗ trợ về cung ứng dịch vụ BCCI	Triệu đồng					
1.2	Tổng chi phí	Triệu đồng					
1.3	Tổng lợi nhuận	Triệu đồng					
2	CÁC CÔNG TY CON (trên 51% vốn góp)						
2.1	Tổng doanh thu	Triệu đồng					
2.2	Tổng chi phí	Triệu đồng					
2.3	Tổng lợi nhuận	Triệu đồng					

Ghi chú:

- Nơi lập báo cáo: Bưu chính Việt Nam.

- Nơi nhận báo cáo: Bộ TTTT.

Thời điểm báo cáo: cùng thời điểm b/c kế hoạch cung ứng DV BCCI.

Các mục: 1.1; 1.2 báo cáo chi tiết đến từng đơn vị hạch toán phụ thuộc

....., ngày tháng năm 20.....

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 01b - MẪU BIỂU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08 /2012/TT-BTTTT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

**TỔNG CÔNG TY
BUU CHÍNH VIỆT NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CUNG ỨNG DỊCH VỤ BUU CHÍNH CÔNG ÍCH
CỦA TỔNG CÔNG TY BUU CHÍNH VIỆT NAM
KỲ BÁO CÁO.....NĂM 20....**

Biểu 01b/TH

www.LuatVietnam.vn

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	% TH so hợp đồng
A	Kế hoạch Sản lượng dịch vụ					
1	Dịch vụ BCCI					
1.1	Dịch vụ Bưu chính phổ cập					
a	Thư cơ bản trong nước					
	Khối lượng thư cơ bản trong nước	kg				
	Số lượng thư cơ bản trong nước trên 01kg thư	cái/kg				
	Sản lượng dịch vụ thư cơ bản trong nước	cái				
b	Thư cơ bản từ VN đi QT					
	Khối lượng thư cơ bản quốc tế từ VN đi các nước	kg				
	Số lượng thư cơ bản quốc tế từ VN đi các nước trên 01kg thư	cái/kg				
	Sản lượng dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ VN đi các nước	cái				
c	Thư cơ bản QT đến VN					
	Khối lượng thư cơ bản quốc tế từ các nước đến VN	kg				
	Số lượng thư cơ bản quốc tế từ các nước đến VN trên 01kg thư	cái/kg				
	Sản lượng dịch vụ thư cơ bản quốc tế từ các nước đến VN	cái				
1.2	Dịch vụ Bưu chính bắt buộc (nếu có)					
2	PHBC qua mạng BCCC					
a	Báo Nhân dân	tờ				
b	Báo QĐND	tờ				
c	Báo Đảng bộ địa phương	tờ				
B	Kế hoạch Chất lượng dịch vụ					
1	Khả năng sử dụng dịch vụ:					
a	Bán kính phục vụ bình quân trên một điểm phục vụ:	Km				
b	Số dân phục vụ bình quân trên một điểm phục vụ:	Người				
c	Số điểm phục vụ trong một xã/phường:	%				
d	Thời gian phục vụ tại các bưu cục giao dịch trung tâm tỉnh:	%				
e	Thời gian phục vụ tại các điểm phục vụ khác:	%				
2	Tần suất thu gom và phát:	%				
3	Độ an toàn:	%				
4	Thời gian toàn trình đối với thư trong nước:					
a	Thời gian toàn trình đối với thư gửi nội tỉnh:	%				
b	Thời gian toàn trình đối với thư gửi liên tỉnh:	%				
5	Thời gian xử lý trong nước đối với thư quốc tế:					
a	Thời gian xử lý trong nước đối với thư đi quốc tế:	%				
b	Thời gian xử lý trong nước đối với thư quốc tế đến:	%				
6	Thời gian phát hành báo Nhân dân, báo Quân đội Nhân dân, báo do Đảng bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xuất bản:					
a	Thời gian phát hành báo Nhân dân, báo do Đảng bộ các tỉnh xuất bản đến Ủy ban Nhân dân xã, Hội đồng Nhân dân xã:					

Ghi chú:

- Nơi lập báo cáo: Bưu chính Việt Nam
- Nơi nhận báo cáo: Bộ TTTT

....., ngày tháng năm 20.....

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Kỳ báo cáo:

- Báo cáo 6 tháng đầu năm vào tháng 8 trong năm;
- Báo cáo cả năm vào tháng 4 năm sau.

PHỤ LỤC 02b - MẪU BIỂU BÁO CÁO KẾ HOẠCH SXKD VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08 /2012/TT-BTTTT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

TỔNG CÔNG TY
BƯU CHÍNH VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 02b/KH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
CỦA TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỆT NAM
KỶ BÁO CÁO..... NĂM

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Trong kỳ		Lũy kế năm	
				Thực hiện	% so với kế hoạch	Thực hiện	% so với kế hoạch
	TOÀN TỔNG CÔNG TY						
a	Tổng doanh thu (a=1.1+2.1)	Triệu đồng					
b	Tổng chi phí (b=1.2+2.2)	Triệu đồng					
c	Tổng lợi nhuận (c=1.3+2.3)	Triệu đồng					
1	CÔNG TY MẸ						
1.1	Tổng doanh thu	Triệu đồng					
1.1.1	Doanh thu thu từ người sử dụng dịch vụ trong đó:	Triệu đồng					
	<i>Doanh thu dịch vụ BCCI</i>	Triệu đồng					
	<i>Doanh thu PHBC qua mạng BCCC</i>	Triệu đồng					
1.1.2	Nhà nước hỗ trợ về cung ứng dịch vụ BCCI	Triệu đồng					
1.2	Tổng chi phí	Triệu đồng					
1.3	Tổng lợi nhuận	Triệu đồng					
2	CÁC CÔNG TY CON (trên 51% vốn góp)						
2.1	Tổng doanh thu	Triệu đồng					
2.2	Tổng chi phí	Triệu đồng					
2.3	Tổng lợi nhuận	Triệu đồng					

Ghi chú:

- Nơi lập báo cáo: Bưu chính Việt Nam.

- Nơi nhận báo cáo: Bộ TTTT.

Kỳ báo cáo: - Báo cáo 6 tháng đầu năm vào tháng 8 trong năm;

- Báo cáo cả năm vào tháng 4 năm sau.

....., ngày tháng năm 20.....

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)